

Số: 45

Ngày 17/11/2025

Bản tin hàng tuần
phát hành ngày thứ Hai

TÓM TẮT

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 45 có các nội dung đáng chú ý sau:

- [Nghị quyết số 1891/NQ-UBTVQH15](#) về dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XVI.
- [Nghị định 290/2025/NĐ-CP](#) quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước.
- [Nghị định số 293/2025/NĐ-CP](#) quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động
- Văn bản dự thảo: Dự thảo Luật Thuế thu nhập cá nhân (sửa đổi).
- Giải đáp pháp luật: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Xin trân trọng giới thiệu cùng các đơn vị.

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI

DỰ KIẾN SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU, THÀNH PHẦN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI

Ngày 10/11/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành [Nghị quyết số 1891/NQ-UBTVQH15](#) về dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XVI.

Theo đó, dự kiến tổng số đại biểu Quốc hội khóa XVI là 500 người. Trong đó, số lượng đại biểu ở các cơ quan Trung ương là 217 đại biểu (43,4%), số lượng đại biểu Quốc hội ở địa phương là 283 đại biểu (56,6%).

Số lượng đại biểu ở các cơ quan Trung ương được phân bổ cho các cơ quan Đảng 10 đại biểu; cơ quan Chủ tịch nước 3 đại biểu; các cơ quan của Quốc hội (đại biểu Quốc hội chuyên trách ở Trung ương) 145 đại biểu; Chính phủ, cơ quan thuộc Chính phủ 15 đại biểu; Bộ Quốc phòng (bao gồm Bộ trưởng, cơ quan Bộ, các quân khu, quân chủng) 13 đại biểu; Bộ Công an (bao gồm bộ trưởng) 3 đại biểu; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 25 đại biểu; Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, mỗi cơ quan 1 đại biểu.

Số lượng đại biểu ở địa phương được phân bổ theo cơ cấu định hướng là 179 đại biểu, là cơ cấu khung để các tỉnh, thành phố làm căn cứ để giới thiệu người ứng cử. Số lượng đại biểu ở địa phương

được phân bổ theo cơ cấu hướng dẫn do các địa phương giới thiệu là 104 đại biểu, là cơ cấu linh hoạt để các tỉnh, thành phố làm căn cứ để giới thiệu người ứng cử.

Nghị quyết cũng quy định về cơ cấu kết hợp. Một người ứng cử đại biểu Quốc hội có thể có nhiều hơn một cơ cấu kết hợp, gồm: Đại biểu là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoảng 80 - 90 người, trong đó có 12 - 14 Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư; đại biểu là người ngoài Đảng khoảng 25 - 50 đại biểu; đại biểu trẻ tuổi (dưới 40 tuổi) khoảng 50 đại biểu; đại biểu tái cử khoảng 160 đại biểu; ít nhất 18% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số (chú ý đến các dân tộc ít người chưa tham gia đại biểu Quốc hội); ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ.

Dự kiến phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố theo nguyên tắc mỗi tỉnh, thành phố có ít nhất là 4 đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương. Số lượng đại biểu tiếp theo được tính theo số dân và đặc điểm của mỗi địa phương, bảo đảm tổng số đại biểu Quốc hội dự kiến được bầu là 500 đại biểu, mỗi tỉnh, thành phố có ít nhất là 7 đại biểu.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT

Tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ xây dựng chính sách, pháp luật được quy định cụ thể tại [Nghị định số 289/2025/NĐ-CP](#) ngày 06/11/2025 hướng dẫn thi hành [Nghị quyết số 197/2025/QH15](#) ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Quỹ hỗ trợ xây dựng chính sách, pháp luật (Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Bộ Tư pháp, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

Quỹ thực hiện mục tiêu hoạt động của Quỹ trong hỗ trợ xây dựng chính sách, pháp luật; xây dựng kế hoạch tài chính, tổ chức bộ máy, tuyển dụng nhân sự theo thẩm quyền và xét duyệt dự án, nhiệm vụ, hoạt động, đối tượng được hỗ trợ, tài trợ; quyết định mức hỗ trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quy chế hỗ trợ, tài trợ của Quỹ (nếu có).

Hội đồng quản lý Quỹ do Bộ trưởng Bộ Tư pháp thành lập, có nhiệm kỳ 5 năm, hoạt động kiêm nhiệm, chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược, kế hoạch tài chính, phê duyệt các dự án, nhiệm vụ, hoạt động được hỗ trợ.

Kinh phí hoạt động hằng năm của Quỹ được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác. Mức ngân sách được cấp hằng năm trên cơ sở đề xuất của Bộ Tư pháp sau khi đã tính đến các khoản dự toán ngân sách nhà nước của năm

hiện hành chưa sử dụng được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển nguồn sang năm sau nhưng không vượt quá 300 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Quỹ có thể tiếp nhận các khoản hỗ trợ hợp pháp từ tổ chức, cá nhân trong nước, bao gồm hỗ trợ có mục tiêu chuyên đề hoặc không chuyên đề; và có nguồn lãi từ tiền gửi tại ngân hàng thương mại, cùng các nguồn tài chính hợp pháp khác. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ là bảo đảm việc tiếp nhận nguồn hỗ trợ của tổ chức, cá nhân trong nước minh bạch, công khai; không gây phương hại đến lợi ích quốc gia, an ninh, quốc phòng; không vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng, hoạt động rửa tiền hoặc có mục đích khác trái với quy định của pháp luật.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/11/2025.

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

Chính phủ vừa ban hành [Nghị định 290/2025/NĐ-CP](#) quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước, với mức phạt cao nhất lên tới 250 triệu đồng đối với cá nhân, nhằm siết chặt quản lý, nâng cao ý thức bảo vệ và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên nước.

Nghị định xác định rõ các hành vi vi phạm trong các nhóm vi phạm: Vi phạm các quy định về điều tra cơ bản và bảo vệ tài nguyên nước; vi phạm các quy định về điều hòa, phân phối tài nguyên nước, chuyển nước lưu vực sông; vi phạm các quy định về quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông; vi phạm các quy

định về khai thác, sử dụng tài nguyên nước; vi phạm các quy định về phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra và vi phạm các quy định khác.

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính sau đây: Cảnh cáo; Phạt tiền. Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung gồm: đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên nước, hành nghề khoan nước dưới đất từ 01 tháng đến 12 tháng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Ngoài ra, tổ chức, cá nhân vi phạm còn phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả.

Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước là 250 triệu đồng đối với cá nhân và 500 triệu đồng đối với tổ chức. Mức phạt đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II của Nghị định này được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính do cá nhân thực hiện. Tổ chức có cùng một hành vi vi phạm thì mức phạt tiền bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân. Hộ gia đình, hộ kinh doanh, cộng đồng dân cư vi phạm bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm.

Thời hiệu xử phạt là 02 năm. Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến thì thời hiệu xử phạt được kéo dài thêm 01 năm. Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được

tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25/12/2025.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI VỀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Quy định mới về tính tiền sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận được nêu tại [Nghị định số 291/2025/NĐ-CP](#) ngày 6/11/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của [Nghị định số 103/2024/NĐ-CP](#) ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và [Nghị định số 104/2024/NĐ-CP](#) ngày 31/7/2024 quy định về Quỹ phát triển đất.

Theo đó, hộ gia đình, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 140 Luật Đất đai năm 2024 sẽ phải nộp 70% giá đất ở theo bảng giá đất với phần diện tích được cấp. Trường hợp đã nộp tiền sử dụng đất nhưng ở mức thấp hơn mức quy định, số tiền đã nộp sẽ được quy đổi ra tỷ lệ % diện tích đã hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền, tiền sử dụng đất của phần đất còn lại nộp theo mức 70% theo giá đất hiện hành khi nộp hồ sơ cấp sổ.

Với phần diện tích còn lại theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 140 Luật Đất đai năm 2024, nếu được công nhận thêm vào mục đích đất ở, tiền sử dụng đất phải nộp sẽ được thu 100% theo giá đất tại bảng giá đất tại thời điểm nộp hồ sơ.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng siết chặt quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất. Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng miễn hoặc giảm tiền sử dụng đất chỉ được miễn, giảm một lần tiền sử dụng đất đối với diện tích

đất ở trong hạn mức được Nhà nước giao đất để làm nhà ở hoặc được phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất khác sang đất ở hoặc được công nhận vào mục đích đất ở. Với người dân tộc thiểu số, ưu đãi này chỉ áp dụng với hộ gia đình, cá nhân thường trú tại nơi có đất.

Điểm đáng chú ý là nếu cơ quan chức năng phát hiện người sử dụng đất không đủ điều kiện để được miễn, giảm tiền sử dụng đất hoặc sử dụng đất không đúng mục đích, nếu không thuộc trường hợp bị thu hồi đất thì số tiền đã được miễn, giảm sẽ phải nộp lại ngân sách nhà nước. Số tiền này được tính dựa trên giá đất và chính sách tại thời điểm tính tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật từng thời kỳ, cộng với tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế từng thời kỳ. Trường hợp người sử dụng đất đề nghị không áp dụng ưu đãi do không còn đáp ứng các điều kiện để được miễn giảm, tự nguyện hoàn trả số tiền đã được miễn giảm cũng áp dụng cơ chế tương tự. Người sử dụng đất không phải hoàn trả số tiền được miễn, giảm theo địa bàn ưu đãi đầu tư nếu trong quá trình sử dụng đất có sự thay đổi quy định về Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư.

Các trường hợp không được miễn, giảm tiền sử dụng đất gồm: đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất; đất xây dựng nhà ở thương mại. Riêng với trường hợp giao đất tái định cư hoặc miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người phải di dời khi Nhà nước thu hồi đất do có nguy cơ đe dọa tính mạng và trường hợp Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ ở

mà không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác trong địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất bị thu hồi thì được giảm 50% tiền sử dụng đất.

MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Từ ngày 01/01/2026, mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thực hiện theo [Nghị định số 293/2025/NĐ-CP](#) ngày 06/11/2025 của Chính phủ.

Nghị định quy định mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ đối với người lao động làm việc cho người sử dụng lao động theo vùng như sau: Vùng I là 5.310.000 đồng/tháng, 25.500 đồng/giờ; vùng II là 4.730.000 đồng/tháng, 22.700 đồng/giờ; vùng III là 4.140.000 đồng/tháng, 20.000 đồng/giờ; vùng IV là 3.700.000 đồng/tháng, 17.800 đồng/giờ.

Danh mục địa bàn vùng I, vùng II, vùng III, vùng IV được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định. Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn thuộc vùng nào thì áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn đó. Người sử dụng lao động có đơn vị, chi nhánh hoạt động trên các địa bàn có mức lương tối thiểu khác nhau thì đơn vị, chi nhánh hoạt động ở địa bàn nào, áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn đó. Người sử dụng lao động hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung nằm trên các địa bàn có mức lương tối thiểu khác nhau thì áp

dụng theo địa bàn có mức lương tối thiểu cao nhất. Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn có sự thay đổi tên hoặc chia thì tạm thời áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn trước khi thay đổi tên hoặc chia cho đến khi Chính phủ có quy định mới. Người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn được thành lập mới từ một địa bàn hoặc nhiều địa bàn có mức lương tối thiểu khác nhau thì áp dụng mức lương tối thiểu theo địa bàn có mức lương tối thiểu cao nhất cho đến khi Chính phủ có quy định mới.

QUẢN LÝ TÀU BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI VÀ CÁC PHƯƠNG TIỆN BAY KHÁC TẠI VIỆT NAM

[Nghị định 288/2025/NĐ-CP](#), có hiệu lực từ ngày 5/11/2025, quy định về nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập; nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, kinh doanh tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; điều kiện đăng ký, khai thác sử dụng, cung cấp thông tin đăng ký; khai thác, sử dụng; đào tạo cấp giấy phép điều khiển tàu bay không người lái, phương tiện bay khác.

Nghị định này áp dụng với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hoạt động liên quan đến tàu bay không người lái, phương tiện bay khác tại Việt Nam.

Đối với xuất khẩu, tạm nhập tái xuất và tạm xuất tái nhập phương tiện bay động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay, UBND cấp tỉnh

cấp phép sau khi có ý kiến của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an, đảm bảo hoạt động nhập khẩu được kiểm soát chặt về kỹ thuật và an ninh. Việc xuất khẩu phương tiện bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay được thực hiện khi tổ chức, cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và được cấp giấy phép đủ điều kiện sản xuất hoặc giấy phép đủ điều kiện kinh doanh phương tiện bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay theo quy định tại Nghị định này.

Trong lĩnh vực nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa và kinh doanh phương tiện bay, các cơ sở phải đáp ứng điều kiện về pháp lý, nhân sự chuyên môn, hạ tầng kỹ thuật, quy trình sản xuất và các tiêu chuẩn kỹ thuật do Bộ Quốc phòng ban hành hoặc công nhận. Bộ Quốc phòng có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, kinh doanh phương tiện bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay

Việc đăng ký phương tiện bay yêu cầu phải có giấy tờ chứng minh sở hữu hợp pháp phương tiện bay và phương tiện bay phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ Quốc phòng ban hành hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được Bộ Quốc phòng công nhận.

Nghị định cũng quy định chi tiết về thẩm quyền và nguyên tắc cấp phép bay, thời hạn giấy phép, hiệp đồng bay, khu vực cấm bay, hạn chế

bay và hoạt động bay có ảnh hưởng đến vùng trời dân dụng, quân sự.

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG

Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý được quy định tại [Nghị định 287/2025/NĐ-CP](#) ngày 05/11/2025 của Chính phủ.

Theo Nghị định, việc giao doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không thực hiện theo hình thức tính hoặc không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Công tác xác định giá trị tài sản làm căn cứ tính phần vốn nhà nước phải dựa vào giá trị còn lại hoặc kết quả thẩm định giá. Trường hợp cần thiết, tài sản có thể chuyển đổi hình thức giao từ “không tính” sang “tính vào vốn nhà nước” theo quy trình riêng. Việc giao tài sản phải tuân thủ quy trình thống kê, rà soát, lập hồ sơ đầy đủ và được Bộ Xây dựng quyết định.

Về quản lý, sử dụng và khai thác, doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng được giao trực tiếp vận hành tài sản theo pháp luật về hàng không dân dụng, thực hiện kế toán, lập hồ sơ quản lý và bảo trì tài sản. Kinh phí bảo trì do ngân sách nhà nước bảo đảm; trường hợp khẩn cấp, doanh nghiệp ứng kinh phí và được hoàn trả. Nguồn thu từ khai thác tài sản - chủ yếu từ dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng hàng không - sau khi trừ chi phí hợp lệ sẽ nộp về ngân sách trung ương và được ưu tiên tái đầu tư phát triển hạ tầng hàng không.

Nghị định cũng quy định các hình thức xử lý tài sản, gồm thu hồi; điều

chuyển; chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý; thanh lý; xử lý khi tài sản bị mất, hư hỏng. Quy trình thu hồi tài sản được quy định chặt chẽ, bao gồm hồ sơ, thẩm quyền và trách nhiệm các bên liên quan. Sau khi thu hồi, tài sản có thể được điều chuyển, đặc biệt trong trường hợp liên quan đến đất quốc phòng; hoặc chuyển giao cho địa phương để tiếp tục quản lý, sử dụng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

KÉO DÀI THỜI HẠN MIỄN THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

[Nghị định số 292/2025/NĐ-CP](#) được Chính phủ ban hành để quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành [Nghị quyết số 216/2025/QH15](#) ngày 26/6/2025 của Quốc hội về việc kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Nghị định xác định đối tượng được miễn thuế, hạng đất tính thuế và thời hạn miễn thuế.

Đối tượng được miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp tiếp tục thực hiện theo quy định của [Nghị quyết số 55/2010/QH12](#) và [Nghị quyết số 28/2016/QH14](#), được quy định chi tiết tại Điều 2 của Nghị định. Các nhóm đất được miễn thuế bao gồm đất phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; đất trồng cây hàng năm; đất làm muối; đất nông nghiệp giao cho hộ nghèo; đất giao hoặc công nhận quyền sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp; đất của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; cũng như đất giao cho các tổ chức đang trực tiếp sử dụng để sản xuất nông nghiệp.

Hạng đất tính thuế tiếp tục áp dụng theo Quyết định số 326/TTg ngày 18/5/1996 và Quyết định phê duyệt điều chỉnh hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp của Thủ tướng Chính phủ.

Thời hạn miễn thuế từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030.

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI HỆ THỐNG QUẢN LÝ VĂN BẢN MẬT

Ngày 13/11/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ký [Quyết định 2481/QĐ-TTg](#) ban hành Kế hoạch triển khai Hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ công việc chứa nội dung bí mật nhà nước dùng chung trong hệ thống hành chính nhà nước

Triển khai Hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ công việc chứa nội dung bí mật nhà nước có tích hợp giải pháp bảo mật, chữ ký số của Ban Cơ yếu Chính phủ dùng chung cho các cơ quan từ trung ương đến cấp xã thuộc hệ thống hành chính nhà nước (Hệ thống Quản lý văn bản mật của Chính phủ) để quản lý văn bản, hồ sơ công việc chứa nội dung bí mật nhà nước (độ Mật và Tối mật) trên môi trường mạng nhằm nâng

cao hiệu quả xử lý công việc, liên thông với các cơ quan trong hệ thống chính trị, tiết kiệm chi phí.

Kế hoạch nêu rõ, triển khai Hệ thống Quản lý văn bản mật của Chính phủ phải tập trung nguồn lực, bảo đảm kịp thời, chất lượng, đúng đối tượng, sử dụng hạ tầng dùng chung của các cơ quan, tiết kiệm, tránh đầu tư trùng lặp, gây lãng phí. Hệ thống phải đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ công tác văn thư, quản lý văn bản, hồ sơ công việc; được bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, dữ liệu theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng, an toàn thông tin mạng và cơ yếu.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố triển khai Hệ thống Quản lý văn bản mật, đồng thời có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện và báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc thực hiện Kế hoạch này.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

HƯỚNG DẪN VIỆC KIỂM TRA, XỬ LÝ KỶ LUẬT TRONG THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

[Thông tư số 20/2025/TT-BTP](#) được Bộ Tư pháp ban hành ngày 06/11/2025 nhằm quy định chi tiết việc thi hành một số điều của [Nghị định 19/2020/NĐ-CP](#) về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về

xử lý vi phạm hành chính, đã được sửa đổi, bổ sung bởi [Nghị định 93/2025/NĐ-CP](#).

Thông tư này quy định chi tiết về ban hành và điều chỉnh kế hoạch kiểm tra; thời hạn kiểm tra; công khai kết luận kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Về ban hành kế hoạch kiểm tra, Thông tư quy định rõ trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các cấp và Bộ Tư pháp trong việc thu thập thông tin để xây dựng kế hoạch, bảo đảm tránh chồng chéo, trùng lặp. Các nguyên tắc xử lý khi có trùng lặp về đối tượng kiểm tra được nêu cụ thể, kèm theo trách nhiệm điều chỉnh của cơ quan ban hành kế hoạch.

Đối với thời hạn kiểm tra, Thông tư quy định các trường hợp tạm dừng kiểm tra và nguyên tắc không tính thời gian tạm dừng vào thời hạn kiểm tra. Đồng thời, quy định các tình huống cần gia hạn như hồ sơ phức tạp, địa bàn khó khăn hoặc thiếu sự phối hợp của đối tượng kiểm tra.

Về công khai kết luận kiểm tra, Thông tư yêu cầu kết luận phải được công khai trừ các nội dung thuộc bí mật nhà nước, an ninh, quốc phòng hoặc nội dung không được công khai khác theo quy định của pháp luật. Việc công khai có thể thực hiện bằng họp công bố, niêm yết, gửi văn bản hoặc đăng tải trên cổng thông tin điện tử.

Thông tư cũng ban hành hệ thống biểu mẫu dùng trong hoạt động kiểm tra thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 22/12/2025, thay thế Thông tư số 14/2021/TT-BTP.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (SỬA ĐỔI)

Dự thảo Luật Thuế thu nhập cá nhân (sửa đổi) do Bộ Tài chính soạn thảo đang được trình Quốc hội để thảo luận.

Một trong những nội dung đáng chú ý của dự thảo Luật là điều chỉnh Biểu thuế lũy tiến từng phần với 5 bậc.

Cụ thể, bậc thuế suất đầu tiên là 5% áp dụng từ 5 triệu đến 10 triệu đồng; Bậc 2 là thuế suất 15% áp dụng đối với phần thu nhập tính thuế trên 10 triệu đồng đến 30 triệu đồng; Bậc 3 là thuế suất 25% áp dụng đối với phần thu nhập tính thuế trên 30 triệu đồng đến 60 triệu đồng; Bậc 4 là thuế suất 30% áp dụng đối với

phần thu nhập tính thuế trên 60 triệu đồng đến 100 triệu đồng; Bậc 5 là thuế suất 35% áp dụng đối với phần thu nhập tính thuế trên 100 triệu đồng.

Dự thảo sửa đổi nguyên tắc để điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh. Nhằm đẩy mạnh chủ trương phân cấp, phân quyền và đảm bảo linh hoạt, phù hợp với thực tế điều hành của Chính phủ, dự thảo Luật giao Chính phủ căn cứ biến động của giá cả, thu nhập để điều chỉnh mức giảm trừ này, thay vì chờ chỉ số CPI tăng trên 20% như hiện nay.

Ngày 17/10/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 110/2025/UBTVQH15 về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân. Theo đó, điều

chỉnh mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế từ 11 triệu đồng/tháng lên 15,5 triệu đồng/tháng, điều chỉnh mức giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc từ 4,4 triệu đồng/tháng lên 6,2 triệu đồng/tháng.

DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản do Bộ Nông nghiệp và Môi trường soạn thảo đã được trình Quốc hội xem xét, dự kiến thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.

Một trong những nội dung đáng chú ý là dự thảo Luật dành một chương riêng quy định về quản lý nhà nước đối với tài nguyên đất hiếm để tài nguyên đất hiếm được bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả gắn với yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

Theo đó, hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến đất hiếm phải được kiểm soát chặt chẽ, không xuất khẩu thô khoáng sản đất hiếm; chỉ các doanh nghiệp, tổ chức được Nhà nước chỉ định hoặc cho phép mới được quyền thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng đất hiếm. Hoạt động chế biến sâu đất hiếm phải gắn với xây dựng hệ sinh thái công nghiệp hiện đại để nâng cao chuỗi giá trị

trong nước, bảo đảm tự chủ trong thực hiện chiến lược quốc gia về đất hiếm.

Thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản đất hiếm phải được xây dựng đồng bộ, quản lý tập trung, thống nhất và được khai thác, sử dụng có hiệu quả. Đồng thời, Nhà nước khuyến khích hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, phát triển công nghệ khai thác, tuyển, tách, chế biến sâu đất hiếm phục vụ phát triển ngành công nghiệp đất hiếm trong nước; hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, kỹ thuật và công nghệ trong chuỗi hoạt động điều tra địa chất, thăm dò, khai thác, chế biến sâu đất hiếm, ứng dụng và quản lý tài nguyên đất hiếm. Nhà nước có chính sách dự trữ đất hiếm, điều tiết hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu đất hiếm trong từng thời kỳ phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

Dự thảo Luật cũng sửa đổi, bổ sung một số nội dung khác: Chủ tịch UBND tỉnh được quyền quyết định cấp giấy phép khai thác khoáng sản; quyết định việc khai thác, sử dụng khoáng sản; tiêu chí khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản để bảo đảm nguyên liệu, vật liệu cho các công trình, dự án; quy định về quyền ưu tiên nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Từ ngày 15/12/2025, người không đăng ký thường trú, tạm trú hoặc không thông báo lưu trú, khai báo tạm vắng thì có bị phạt không?

Trả lời: Ngày 30/10/2025 Chính phủ đã ban hành [Nghị định 282/2025/NĐ-CP](#) quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình. Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 15/12/2025.

[Khoản 1, Điều 10](#), Nghị định 282/2025/NĐ-CP quy định phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi:

- Không thực hiện đúng quy định của pháp luật về đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, xóa đăng ký thường trú, xóa đăng ký tạm trú, tách hộ, điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú hoặc khai báo thông tin về cư trú;

- Không thực hiện đúng quy định của pháp luật về thông báo lưu trú, khai báo tạm vắng.

2. Hỏi: Hành vi chiếm đoạt, sử dụng trái phép, tẩy xóa, hủy hoại thẻ căn cước công dân sẽ bị xử phạt như thế nào?

Trả lời: [Khoản 2, Điều 11](#), Nghị định 282/2025/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong những hành vi:

- Chiếm đoạt, sử dụng trái phép thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, căn cước điện tử, giấy chứng nhận

căn cước, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại của người khác;

- Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung của thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại;

- Hủy hoại, cố ý làm hư hỏng thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước, giấy xác nhận số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại.

3. Hỏi: Người có hành vi chế tạo, sản xuất, mua, bán, nhập khẩu, xuất khẩu, tàng trữ, vận chuyển trái phép pháo hoa, thuốc pháo sẽ bị xử phạt như thế nào?

Trả lời: Mức phạt tiền đối với những hành vi này được quy định tại [khoản 5, Điều 13](#), Nghị định 282/2025/NĐ-CP như sau:

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trường hợp có số lượng dưới 05 kg pháo hoa hoặc dưới 0,5 kg thuốc pháo;

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp có số lượng từ 05 kg đến dưới 10 kg pháo hoa hoặc từ 0,5 kg đến dưới 01 kg thuốc pháo;

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp có số lượng từ 10 kg đến dưới 20 kg pháo hoa hoặc từ 01 kg đến dưới 02 kg thuốc pháo;

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp

có số lượng từ 20 kg đến dưới 40 kg pháo hoa hoặc từ 02 kg đến dưới 05 kg thuốc pháo;

- Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với trường hợp có số lượng từ 40 kg đến dưới 50 kg pháo hoa hoặc từ 05 kg đến dưới 10 kg thuốc pháo;

- Phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với trường hợp có số lượng từ 50 kg pháo hoa trở lên hoặc từ 10 kg thuốc pháo trở lên.

Ngoài ra, người vi phạm còn bị tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

4. Hỏi: *Người vi phạm quy định về bảo vệ các công trình công cộng, công trình an ninh, trật tự sẽ bị phạt tiền như thế nào?*

Trả lời: [Điều 20](#), Nghị định 282/2025/NĐ-CP quy định:

- Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi tự ý xê dịch các loại biển báo, biển chỉ dẫn, biển hiệu của cơ quan, tổ chức.

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi: Tự ý xê dịch, tháo dỡ cột dây điện thoại, điện tín, cột đèn, hàng rào của các cơ quan nhà nước hoặc các công trình công cộng khác; tháo dỡ, phá hủy hoặc làm bất cứ việc gì khác gây hư hại đến các loại biển báo, biển chỉ dẫn, biển hiệu của cơ quan, tổ chức; phá hoại, làm hư hỏng tài sản, hiện vật tại mục tiêu, vọng gác bảo vệ mục tiêu, leo trèo hoặc thực hiện các hành vi khác tác động lên cổng, cửa, tường rào của

mục tiêu, vọng gác bảo vệ mục tiêu khi chưa được phép.